

CTCP QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 59/2026/CV-LHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động
lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 so
với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty được nêu trong Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse xin báo cáo và giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận như sau:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2026:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	6 tháng đầu năm		TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ
	Năm 2026	Năm 2025		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1.291.567.751	1.315.127.790	(23.551.039)	-2%
Chi phí hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1.291.567.751	1.315.127.790	(23.551.039)	-2%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.955.455.956	5.662.767.843	(707.311.887)	-12%
Chi phí tài chính	(106.287.460)	117.006.245	(223.293.705)	-191%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.300.872.009	5.731.004.975	569.867.034	10%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	52.448.158	1.129.884.413	(1.077.436.255)	-95%
Lợi nhuận khác	3.564.083	-	3.564.083	100%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.012.241	1.129.884.413	(1.073.872.172)	-95%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	142.431.845	(142.431.845)	-100%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.012.241	987.452.568	(931.440.327)	-94%

2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận:

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2026 phát sinh giảm 23,55 triệu đồng (tương đương giảm 2%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do giá trị tài sản ròng (NAV) của các quỹ quản lý sụt giảm dưới tác động tiêu cực của thị trường chứng khoán trong kỳ, dẫn đến doanh thu từ phí quản lý quỹ giảm tương ứng.

- Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm 707,31 triệu đồng (tương đương giảm 12%) so với cùng kỳ năm trước do Công ty giảm thực hiện các giao dịch đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ.

- Chi phí tài chính thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm 223,29 triệu đồng (tương đương giảm 191%) so với cùng kỳ năm trước, do trong 6 tháng đầu năm 2026 Công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2026 tăng 569,87 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước, do phát sinh thêm các chi phí liên quan đến việc quản lý và vận hành Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Dòng Tiền Linh Hoạt mới được thành lập.

Từ các nguyên nhân trên, dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2026 tiếp tục giảm 931,44 triệu đồng (tương đương giảm 94%) so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse. Công ty kính báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Đình Quang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	4 – 5
5. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11 - 12
8. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	13
9. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 29



67
CỘNG
HÒA
QUỐC
VIỆT
NAM
T.P

4498

NG TY

TOÁN V

A&

01 - T

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông, Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được thay đổi giấy phép và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 9 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 28 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp.

Trụ sở hoạt động: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo các giấy phép đã được cấp là: quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/hết nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Công Hiệp	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2026
Ông Huỳnh Sơn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2026
Ông Hồ Hoàng Lâm	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 17 tháng 4 năm 2026

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Lê Đình Quang (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2026).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Lê Đình Quang – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty.

C. T.
G. T. Y.
H. H. N. L. Y.
H. H. T. U.
H. H. O. U. S. E.
H. H. O. C. H. I. M. I. N. H.

15 - C. T.
T. N. H. H.
H. H. T. U. V. A. N.
C.
P. H. O. C.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026



Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc



Số: 1.1287/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Nguyễn Chí Dũng****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

P: 67
CÔN
CỔ I
QUẢ
QUỸ E
LIGHT
T. P3004
CÔNG
M TO,
A
THỜI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN					
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.062.100.561	37.481.975.434
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.005.294.700	2.671.099.892
1.	Tiền	111		4.005.294.700	1.671.099.892
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.714.086.978	34.394.770.038
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	32.714.086.978	34.600.433.364
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.2	-	(205.663.326)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.888.628	235.703.856
1.	Phải thu khách hàng	131		-	-
2.	Trả trước cho người bán	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	202.888.628	202.242.109
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	-	33.461.747
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		139.830.255	180.401.648
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	139.830.255	180.401.648
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.956.432.095	2.973.573.655
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		723.213.509	743.605.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	11.113.677	29.679.197
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(286.632.823)	(268.067.303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	712.099.832	713.926.618
- Nguyên giá	228		2.016.750.000	1.834.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.304.650.168)	(1.120.573.382)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.233.218.586	2.229.967.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	145.598.586	142.347.840
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.8	2.087.620.000	2.087.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.018.532.656	40.455.549.089

T.C.T
V
Y
TU
SE
CHI MINH

C.T.
IHH
Ư VẤN
TỔ CHỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN					
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		425.286.534	890.249.767
I. Nợ ngắn hạn		310		425.286.534	890.249.767
1. Vay ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.9	10.908.400	-
3. Người mua trả tiền trước		313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.10	105.992.244	109.950.987
5. Phải trả người lao động		315		-	543.133.334
6. Chi phí phải trả		316	V.11	111.926.785	70.590.251
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.12	21.621.639	19.803.170
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.13	174.837.466	146.772.025
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		39.593.246.122	39.565.299.322
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.14a, b	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.14a	133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.14a, c	4.460.240.006	4.432.293.206
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		40.018.532.656	40.455.549.089



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		24.786.560.000	24.221.370.000
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		24.786.560.000	24.221.370.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		-	-
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		-	-
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước			-	-
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài			-	-



Khuu Kim Huê
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	1.291.576.751	1.315.127.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		1.291.576.751	1.315.127.790
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		1.291.576.751	1.315.127.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.955.455.956	5.662.767.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	(106.287.460)	117.006.245
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6.300.872.009	5.731.004.975
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.448.158	1.129.884.413
10. Thu nhập khác	31	VI.5	4.030.017	10.466.174
11. Chi phí khác	32	VI.6	465.934	10.466.174
12. Lợi nhuận khác	40		3.564.083	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.012.241	1.129.884.413
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	-	142.431.845
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>56.012.241</u>	<u>987.452.568</u>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	16	282



Khru Kim Huê
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.290.930.232	1.643.587.306
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.780.870.447)	(1.878.371.590)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.596.259.274)	(3.039.575.753)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.10	(17.320.910)	(133.998.554)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		360.409.450	-
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(1.582.129.475)	(1.554.411.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.325.240.424)	(4.962.769.625)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	V.7	(182.250.000)	(30.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.096.000.000)	(7.438.840.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.932.640.000	12.904.990.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.2	5.045.232	2.693.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.659.435.232	5.438.843.099

7 - C.
**NG TY
PHẦN
ÁN LÝ
ĐẦU T
THOUS**
HỒ C

449814
**GTYY
ÁN VÀ
&C**
A - TP.



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	 50		 1.334.194.808	 476.073.474
 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	 60	 V.1	 2.671.099.892	 6.505.251.491
 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	 61		 -	 -
 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	 70	 V.1	 4.005.294.700	 6.981.324.965


Khuu Kim Huê
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

		Số dư đầu năm		Thay đổi trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Thuyết minh	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2025	6 tháng đầu năm 2026	Ngày 30/6/2025	Ngày 30/6/2026
CHỈ TIÊU					Tăng	Giảm	
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.14	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.006.116	133.006.116	-	-	133.006.116
Cộng			4.190.995.890	4.432.293.206	987.452.568	(226.460.038)	4.951.988.420
			39.324.002.006	39.565.299.322	987.452.568	(226.460.038)	40.084.994.536
					56.012.241	(28.065.441)	39.593.246.122


Khuru Kim Huê
Kế toán trưởng/Người lập


Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo các giấy phép đã được cấp là: quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 21 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 19 nhân viên). Trong đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 7 nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 đối với các nghiệp vụ liên quan đến công cụ tài chính, các nội dung khác tiếp tục được thực hiện theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC.



2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích và sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ lập theo phương pháp trực tiếp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty và tiền tại tài khoản chứng khoán mở tại công ty chứng khoán. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn của Công ty chỉ có đầu tư chứng khoán.

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư chứng khoán khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Khoản đầu tư chứng khoán được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán đầu tư đó. Tiền lãi và cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán đầu tư được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.



- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ phản ánh các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch quản lý quỹ giữa Công ty và các quỹ mở.



- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và chi phí bảo trì. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 tháng.

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.



- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn và căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.



Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ và các công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Tổng Giám đốc, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	42.264.338	13.537.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	612.536.523	842.193.616
Tiền tại tài khoản chứng khoán mở tại công ty chứng khoán	3.350.493.839	815.368.481
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	-	1.000.000.000
Cộng	<u>4.005.294.700</u>	<u>2.671.099.892</u>



2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>26.704.286.102</i>	<i>37.804.844.800</i>	-	<i>28.590.632.488</i>	<i>40.821.239.100</i>	<i>(205.663.326)</i>
DBD	9.855.125.361	10.329.124.000	-	12.539.228.926	12.333.565.600	(205.663.326)
NAB	16.849.160.741	27.475.720.800	-	16.051.403.562	28.487.673.500	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>6.009.800.876</i>	<i>6.193.980.000</i>	-	<i>6.009.800.876</i>	<i>6.580.887.300</i>	-
DCF	6.009.800.876	6.193.980.000	-	6.009.800.876	6.580.887.300	-
Cộng	32.714.086.978	43.998.824.800	-	34.600.433.364	47.402.126.400	(205.663.326)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	205.663.326	-
Hoàn nhập trong kỳ	(205.663.326)	-
Số cuối kỳ	-	-

3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</i>		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse	87.341.680	115.560.486
Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse	73.045.676	86.681.623
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse	42.501.272	-
Cộng	202.888.628	202.242.109

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse – các khoản chi hộ	-	19.727.208
Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse – các khoản chi hộ	-	3.734.539
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse – các khoản chi hộ	-	10.000.000
Cộng	-	33.461.747

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	7.648.047	11.094.438
Chi phí thuê văn phòng	99.038.208	117.878.210
Chi phí bảo trì	14.280.000	35.520.000
Chi phí khác	18.864.000	15.909.000
Cộng	139.830.255	180.401.648

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	94.272.258	83.147.965
Chi phí khác	51.326.328	59.199.875
Cộng	145.598.586	142.347.840



6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	155.870.000	141.876.500	297.746.500
Số cuối kỳ	155.870.000	141.876.500	297.746.500
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	155.870.000	-	155.870.000
Đang chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	151.492.128	116.575.175	268.067.303
Khấu hao trong kỳ	4.377.872	14.187.648	18.565.520
Số cuối kỳ	155.870.000	130.762.823	286.632.823
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.377.872	25.301.325	29.679.197
Số cuối kỳ	-	11.113.677	11.113.677

7. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.834.500.000
Mua trong kỳ	182.250.000
Số cuối kỳ	2.016.750.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.120.573.382
Khấu hao trong kỳ	184.076.786
Số cuối kỳ	1.304.650.168
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	713.926.618
Số cuối kỳ	712.099.832

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ký quỹ thuê xe với Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Đại Dương Xanh	1.900.000.000	1.900.000.000
Các tài sản dài hạn khác	187.620.000	187.620.000
Cộng	2.087.620.000	2.087.620.000



9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Navigos Group Việt Nam	7.862.400	-
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	2.398.000	-
Các nhà cung cấp khác	648.000	-
Cộng	10.908.400	-

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.172.373	(2.172.373)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.320.910	-	(17.320.910)	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.630.077	379.252.041	(365.889.874)	105.992.244
Cộng	109.950.987	381.424.414	(385.383.157)	105.992.244

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.012.241	1.129.884.413
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.761.923	34.548.810
- Các khoản điều chỉnh giảm	(70.774.164)	-
Thu nhập chịu thuế	-	1.164.433.223
Thu nhập được miễn thuế	-	(452.274.000)
Thu nhập tính thuế	-	712.159.223
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	142.431.845

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng bán hàng và phí duy trì tài khoản nhà đầu tư	9.518.877	15.937.884
Phải trả khác	102.407.908	54.652.367
Cộng	111.926.785	70.590.251

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	21.621.639	19.803.170
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	-
Cộng	21.621.639	19.803.170



13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	76.212.243	14.032.720	90.244.963
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	70.559.782	14.032.721	84.592.503
Cộng	146.772.025	28.065.441	174.837.466

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	133.006.116	4.190.995.890	39.324.002.006
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	467.757.354	467.757.354
Trích lập các quỹ	-	-	(226.460.038)	(226.460.038)
Số dư cuối năm trước	35.000.000.000	133.006.116	4.432.293.206	39.565.299.322
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	133.006.116	4.432.293.206	39.565.299.322
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	56.012.241	56.012.241
Trích lập các quỹ	-	-	(28.065.441)	(28.065.441)
Số dư cuối kỳ này	35.000.000.000	133.006.116	4.460.240.006	39.593.246.122

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Lê Đình Quang	14.091.000.000	14.091.000.000
Bà Nguyễn Thị Duy Thuyết	6.832.000.000	6.832.000.000
Ông Nguyễn Công Hiệp	14.077.000.000	14.077.000.000
Cộng	35.000.000.000	35.000.000.000

14c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026.

15. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.192.507.464	693.391.404
Trên 1 năm đến 5 năm	1.292.281.848	-
Cộng	2.484.789.312	693.391.404



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty thuê văn phòng ở tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn 5 năm (từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2026), hợp đồng đã được gia hạn thêm 2 năm (từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2028), đơn giá thuê chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo từng giai đoạn như sau:

	Số tiền (USD/tháng)
Từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 đến ngày 31 tháng 7 năm 2024	3,105
Từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025	3,415
Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2026	3,756
Từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 đến ngày 01 tháng 8 năm 2028	3,756

Công ty áp dụng tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tỷ giá là 26.377 VND/USD để xác định số tiền phải trả trong tương lai. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã trả trước tiền thuê từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 7 năm 2026 với tỷ giá là 26.368 VND/USD.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	1.235.435.946	1.018.229.894
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	177.960.328
Doanh thu khác	56.140.805	118.937.568
Cộng	1.291.576.751	1.315.127.790

1b. Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse		
Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	547.165.360	531.573.078
Doanh thu phí mua lại	45.004.061	36.180.743
Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse		
Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	481.748.980	486.656.816
Doanh thu phí mua lại	11.102.563	82.756.825
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse		
Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	206.521.606	-
Doanh thu phí mua lại	34.181	-



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.045.232	2.693.099
Lãi đầu tư tài chính	4.950.410.724	5.207.800.744
Cổ tức được nhận	-	452.274.000
Cộng	4.955.455.956	5.662.767.843

3. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng, môi giới chứng khoán	71.977.144	100.506.245
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(205.663.326)	-
Lỗ đầu tư tài chính	117.110	-
Chi phí tài chính khác	27.281.612	16.500.000
Cộng	(106.287.460)	117.006.245

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.967.515.821	3.551.880.632
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.747.098	23.456.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.642.306	211.819.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.703.005.366	1.475.647.318
Các chi phí khác	380.961.418	468.201.392
Cộng	6.300.872.009	5.731.004.975

5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hộ phí dịch vụ		10.466.174
Thu nhập khác	4.030.017	-
Cộng	4.030.017	10.466.174

6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hộ phí dịch vụ	465.934	10.466.174
Cộng	465.934	10.466.174



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.012.241	987.452.568
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	56.012.241	987.452.568
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	282

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 828.642.057 VND (cùng kỳ năm trước 490.182.244 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan khác	Mối quan hệ
Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse	Quỹ do Công ty quản lý



C.
G TY
PHÂN
N LÝ
ĐẦU T
HOUS
HỒ

15 -
TNH
À T
C
P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.4.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh lại số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Các hoạt động nghiệp vụ phát sinh

Trong kỳ, Công ty chỉ có hoạt động quản lý quỹ. Thông tin chi tiết như sau:

• Tổng số quỹ đang thực hiện quản lý	:	3	quỹ
• Tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đang thực hiện quản lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	:	214.614.646.333	VND
- Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse - LHBF	:	103.163.448.670	VND
- Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse - LHCFD	:	59.401.559.290	VND
- Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse – LHFCF	:	52.049.638.373	VND
• Số lượng quỹ lập trong kỳ	:	1	quỹ
• Phí quản lý quỹ thu được trong kỳ	:	1.235.435.946	VND

Các quỹ Công ty đang quản lý gồm:

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse - LHBF

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 71/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2022 và được chào bán chứng chỉ quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 304/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 9 năm 2022, cụ thể:

• Tên quỹ	:	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse
• Công ty quản lý quỹ	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
• Tên tiếng Anh	:	Lighthouse Capital Bond Fund
• Tên viết tắt	:	LHBF
• Ngân hàng giám sát	:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
• Vốn điều lệ quỹ	:	50.435.000.000 VND Bằng chữ: Năm mươi tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng
• Số chứng chỉ quỹ	:	5.043.500 chứng chỉ
• Mệnh giá chứng chỉ quỹ	:	10.000 (mười nghìn) VND/chứng chỉ quỹ
• Loại quỹ đầu tư chứng khoán	:	Quỹ mở
• Thời hạn hoạt động quỹ	:	Không xác định



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Địa chỉ: Tầng 5, số 65 Phạm Ngọc Thạch, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse - LHCDF

Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 54/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2024 và được chào bán chứng chỉ quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 20/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 3 năm 2024, cụ thể:

- Tên quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse
- Công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
- Tên tiếng Anh : Lighthouse Capital Dynamic Fund
- Tên viết tắt : LHCDF
- Ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Vốn điều lệ quỹ : 51.184.042.953 VND
Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm năm mươi ba đồng
- Số chứng chỉ quỹ : 5.118.404,29 chứng chỉ
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ : 10.000 (mười nghìn) VND/chứng chỉ quỹ
- Loại quỹ đầu tư chứng khoán : Quỹ mở
- Thời hạn hoạt động quỹ : Không xác định

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse - LHFCF

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 02 năm 2026 và được chào bán chứng chỉ quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 459/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 12 năm 2025, cụ thể:

- Tên quỹ : Quỹ Đầu tư Trái phiếu Dòng tiền linh hoạt Lighthouse
- Công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Lighthouse
- Tên tiếng Anh : Lighthouse Capital Flexible Cashflow Bond Fund
- Tên viết tắt : LHFCF
- Ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Vốn điều lệ quỹ : 51.775.602.000 VND
Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm linh hai nghìn đồng
- Số chứng chỉ quỹ : 5.177.560,20 chứng chỉ
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ : 10.000 (mười nghìn) VND/chứng chỉ quỹ
- Loại quỹ đầu tư chứng khoán : Quỹ mở
- Thời hạn hoạt động quỹ : Không xác định



Khuu Kim Huê
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Nguyễn Lê Đình Quang
Tổng Giám đốc

